Giải đề ISTQB

1. Số lượng test case có thể cover được 100% từ X2

X2 đi qua X3 và X5 => Đáp án D: 2

1. Mục đích chính của Configuration Management?

All test items are uniquely identified, version controlled, tracked for changes, relate to each other.

All items of testware are uniquely identified, version controlled, tracked for changes, related to each other and related to versions of the test item so that traceability can be maintained throughout the test process.

All identified documents and software items are referenced unambiguously in test documentation.

During test planning, configuration mangament procedures and infrastructure should be indentified implemented.

CM không phát triển testware mới và phân tích các điều kiện cần cho các testware mới => Đáp án C

1. Task chính của test planning?

Một số activities của test planning:

Determine the scope, objectives, and risks of testing.

Defining the overall approach of testing.

Integrating and coordinating the test activities into the software lifecycle activities.

Making decisions about what to test, the people and resources required to perform the various test activities, how test…

Scheduling of test analysis, design, implementation, execution and evaluation activities,…

Selecting metrics for test monitoring and control.

Budgeting for the test activities

Determining the level of detail and structure for test documentation

* Đáp án A

1. Dựa theo tiêu chuẩn IEEE 829-1998, phần nào là một phần thuộc test summary report?

Test summary report may include:

Summary of testing performed

Infor on what occurred during a test period

Deviations from plan, including deviations in schedule, duration, or effort of test activities

Status of testing and product quality with respect to the exit criteria or definition of done

Factors that have blocked or continue to block progress

Metrics of defects, test cases, test coverage, activity progress, and resource consumption

Residual risks

Reusable test work products produced.

Bao gồm summary, đưa ra độ sai lệch và phê duyệt => Đáp án A

1. Cái nào là rủi ro tiềm ẩn của sản phẩm?

Software might not perform its intended functions according to the specification.

Software might not perform its intended functions according to user, customer, and/or stakeholder needs. (Phần mềm không thực hiện chức năng theo dự kiến theo đặc điểm kỹ thuật/người dung/khách hàng/các bên liên quan)

A system architecture may not adequately support some non-functional requirements. (kiến trúc không hỗ trợ đầy đủ các yêu cầu phi chức năng)

A particular computation may be performed incorrectly in some circumstances. (các phép tính cụ thể có thể được thực hiện không chính xác)

A loop control structure may be coded incorrectly. (cấu trúc đk vòng lặp được mã hóa không chính xác)

Response-times may be inadequate for a high-performance transaction processing system. (thời gian phản hồi không đủ với hệ thống xử lý giao dịch hiệu suất cao)

User experience (UX) feedback might not meet procduct expectations. (phản hồi trải nghiệm người dung không đáp ứng được kỳ vọng)

* Đáp án D

1. Ai sẽ sử dụng static analysis tools?

Người sử dụng static analysis tools, liên quan đến source code nên developer là người sử dụng => Đáp án B

1. Ai là người thực hiện các hoạt động debugging?

* Đáp án A: Developers

1. Điều nào thường không tìm thấy trong các báo cáo sự cố phần mềm (software incident report)?

Trong Incident report thì luôn có tên và các vị trí tìm thấy lỗi, các version của phần mềm, kết quả thực tế và kết quả mong muốn, không nêu đề nghị như là cách fix lỗi => Đáp án C

1. Điều xác định expected results of a test?

Test case specification sẽ xác định expected results => Đáp án A

1. Các tools nào được developer sử dụng có hiệu quả nhất?

Perfomance testing tools được sử dụng để kiểm tra hiệu suất, test comparators xác định sự khác nhau giữa các files, cơ sở dữ liệu (DB) hoặc kết quả test, incident management tools được sử dụng cho tester, còn coverage measurement tools được developer sử dụng để nhận diện các phần tử hoặc hạng mục phạm vi có thể được tính => Đáp án B

1. Điều nào sau đây là chính xác?

Impact analysis đánh giá ảnh hưởng của một thay đổi đối với hệ thống để xác định mức độ kiểm tra hồi quy cần thực hiện => Đáp án D

1. Trong software testing thì mục đích chính của exit criteria?

Exit criteria quyết định lúc nào sẽ dừng test => Đáp án D

1. Trường hợp INVALID trong thiết kế hệ thống:

Đáp án C

1. KEY trong test closure task?

Hoàn thiện và lưu trữ => Đáp án D

1. Thế nào là beta testing?

Beta testing là một hình thức testing được thực hiện bởi customers tại locations của họ => Đáp án B

1. Số tests có thể phủ được 100% DC?

Decision Coverage là test 100 % trường hợp có thể xảy ra, trong đoạn code trên, có các trường hợp sau:

width>length + height> width;

width>length + height<width;

width<length + height > length;

width<length + height < length

* Đáp án B (4)

1. Cần thêm bao nhiêu testcase khi thêm các đoạn code này vào?

print "Biggest dimension is " &biggest\_dimension   
print "Width: " & width   
print "Length: " & length

Vì chỉ là các câu lệnh được in ra nên không cần phải thêm test case nào => Đáp án C

1. Những lỗi nào thường re hơn rất nhiều khi remove?

Những lỗi được phát hiện sớm là những lỗi thường được điều chỉnh rẻ hơn nhiều so với các lỗi phát hiện muộn => Đáp án C

1. Activity nào trong quy trình test cơ bản tạo ra test suites cho test execution?

TEST IMPLEMENTATION includes the following major activities:

Developing and propritizing test procedures, and potentially, creating automades test scripts

Creating test suites from the test procedures and (if any) automaded test scripts

Arranging the test suites within a test execution schedule in a way that results in efficient test execution.

Building the test environment (including, potentially, test harnesses, service virtualization, simulations,,,) and verifying that everything needed has been set up correctly.

Preparing test data and ensuring it is property loaded in the test environment.

Verifying and updating bi-directional tracebility between the test basis, test conditions, test case, test procedures, and test suites.

* Đáp án A (implementation and execution)

1. Điều nào sau đây là chính xác?

Comfimation testing: Xác định các lỗi cũ được fixed thành công

Regression testing: Kiểm tra trong quá trình debug có ảnh hưởng đến các thành phần khác của code, những component tương tự hoặc trong hệ thống tương tự hay không.

Cả Confirmation testing và regression testing đều được test ở all levels. => Đáp án A

1. Test case nào cho kết quả thực tế là VALID?

Người 23 tuổi và thuộc Insurance Class thuộc Rule 2, thì Premium là 90$ và Excess là 2,500$ => Đáp án A

1. Khi nào nên thực hiện các thủ tục configuration management?

During test planning, configuration management procedures and infrastructure (tools) should be identified and implemented => Đáp án A

1. Đặc điểm nào sau đây là của regression testing?

Regression testing thường được test tự động và sau khi đã fix lỗi, nó có thể được thực hiện nhiều lần và thực hiện trong cả quá trình maintaine => Đáp án B

1. Sự cố nào dưới đây là đặc trưng nhất cho kết quả lỗi phần mềm?

Phương pháp luận, Việc tuân thủ quy định và việc đào tạo chưa đầy đủ chưa phải là kết quả đặc trưng nhất. Damaged reputation (Danh tiếng bị tổn hại) là đặc trưng nhất cho kết quả của sự thất bại phần mềm => Đáp án A

1. Activities nào nên được thực hiện trong quá trình lựa chọn và triển khai của 1 testing tool?

i) Điều tra quá trình thử nghiệm của tổ chức. (investigate the organisation’s test process)

ii) Tiến hành chứng minh khái niệm. (conduct a proof of concept)

iv) Xác định các yêu cầu huấn luyện và cố vấn đối với việc sử dụng công cụ đã chọn (Identify coaching and mentoring requirements for the use of the selected tool)

* Đáp án D

1. Lợi ích chính khi thực hiện sớm các kiểm tra thiết kế trong vòng đời?

Ngăn chặn được lỗi được phát sinh trong code => Đáp án B

1. Lợi ích nào đạt được nhiều nhất khi sử dụng test tool?

Dễ dàng truy cập thông tin về các bài kiểm tra và thử nghiệm. (easy to access information about tests and testing)

Tính nhất quán cao hơn của các thử nghiệm. (Greater consistency of tests)

* Đáp án D

1. Yếu tố được coi là thành công khi triển khai một tool mới trong 1 tổ chức?

A. Cung cấp huấn luyện cho người dùng và xác định hướng dẫn sử dụng

Providing coaching to users and defining usage guidelines => Đáp án A

1. Mục đích của exit criteria?

Để xác định lúc nào 1 test level hoàn thành => Đáp án A

1. Kỹ thuật test design nào phụ thuộc nhiều vào kiến thức toàn diện của hệ thống trước đó?

Kỹ thuật kiểm thử dựa trên kinh nghiệm (Experience-based technique) => Đáp án B

1. Với danh mục nào sau đây, công cụ so sánh kiểm tra được liên kết THƯỜNG XUYÊN?

Tool support for test execution and logging: Many tools exist to support and enhance test execution and logging activities. Examples of these tools include: Test excution tools, coverage tools, test harness,.... => Đáp án C

1. Activities nào là một phần của test planning?

Một số activities của test planning (tham khảo câu 3):

Determine the scope, objectives, and risks of testing.

Defining the overall approach of testing.

Integrating and coordinating the test activities into the software lifecycle activities.

Making decisions about what to test, the people and resources required to perform the various test activities, how test…

Scheduling of test analysis, design, implementation, execution and evaluation activities,…

Selecting metrics for test monitoring and control.

Budgeting for the test activities

Determining the level of detail and structure for test documentation.

Trong quá trình này, KHÔNG developing test cases, building the tes environment, writing test conditions.

* Đáp án B

1. Match các nội dung:

1, Decision Table Testing – A test technique which combines cobinations of inputs that might not otherwise have been exercised during testing.

2, Decision Testing – A form of control flow testing based on decision outcomes

3, State Transition Testing – A test technique used which may be used to verify different system re depending on current conditions or previous history

4, Exploratory Testing – Testing carried out w boxes to achieve specific test objectives, possibly to cpmplement structured testing

* Đáp án A

1. Loại kỹ thuật test design nào mô tả đúng nhất một thủ tục tạo ra các trường hợp kiểm thử dựa trên các đặc tả của thành phần?

Là kỹ thuật kiểm thử hộp đen (Black box techniques) => Đáp án A

1. Công cụ phân tích tĩnh nào sau đây thường được sử dụng?

Thực thi các tiêu chuẩn mã hóa (enforcement of coding standards) => Đáp án D

1. Test approach hoặc test strategies nào được mô tả với các đặc trưng dưới đây?

Process-compliant approaches – Adheres to industry-specific standards

Heuristic approaches – Run test execution and evaluation concurrently

Consultative approaches – Listens to suggestions from technology expects

Regression-averse approaches – Includes reuse of existing test material

* Đáp án D

1. Nguyên tắc nào được mô tả khi test design được viết bởi bên thứ 3?

Khi thực hiện test độc lập thì sẽ do bên thứ 3 viết test design => Đáp án B

1. Lợi ích của test độc lập là gì?

It avoids author bias in defining effective tests (tránh sự thiên vị của tác giả) => Đáp án C

1. Sự kết hợp TỐI THIỂU của các đường dẫn được yêu cầu để cung cấp full statement coverage là gì?

Điều kiện full statement coverage là phủ hết các câu lệnh (không cần phủ hết các trường hợp) => Đáp án A

1. Điều nào là đặc trưng nhất của kỹ thuật kiểm thử hộp đen?

Test cases are devired systematically from models of the system (bộ test case được suy ra một cách có hệ thống từ các module của hệ thống) => Đáp án C

1. Sự kết hợp nào sau đây mô tả chính xác về cách tiếp cận hợp lê (valid approach) tới component testing?

Functional testing of the component in isolation (Kiểm tra chức năng của thành phần một cách riêng biệt)

Structure-based testing of the code without recording incidents (Kiểm tra dựa trên cấu trúc mã mà không ghi lại các sự cố)

Automades tests that are run until the component passes (Test tự động cho đến khi pass từng thành phần)

* Đáp án B

1. Cái nào KEY trong nhiệm vụ test control?

Initiating corrective actions / Test control

Determining the scope / Test planning

Implementing the test policy

Scheduling test implementation

* Đáp án A

1. Tên của việc triển khai của một thành phần phần mềm được sử dụng để thử nghiệm là gì?

Stub => Đáp án D

1. Định nghĩa chính xác nhất về complete testing là gì?

Khi bạn đã phát hiện ra mọi lỗi trong chương trình => Đáp án A (Hơi khó hiểu, xem lại đáp án)

1. Complete statement và branch coverage có nghĩa là:

Bạn phải test tất các các statement và các nhánh trong chương trình => Đáp án B

1. Có một số rủi ro khi quản lý project’s schedule cùng với mô hình statistical realiability. Chúng bao gồm?

Đáp án D (tất cả)

1. Loại defect nào dễ dàng tìm thấy khi reviews hơn là trong dynamic testing?

Đáp án E, tất cả

1. Reviews, static analysis và dynamic testing đều có chung mục tiêu là?

Nhận dạng lỗi => Đáp án A

1. Kỹ thuật nào thích hợp nhất nếu các thông số kỹ thuật đã lỗi thời?

Structure-based và experienced-based techniques => Đáp án A

1. Rối loạn chức năng đo lường là một vấn đề?

Đáp án A: Even though the numbers you look at appear better, to achieve these numbers, people are doing other aspects of their work much less well.

1. Hệ quả nghiêm trọng của việc không thể hoàn thành test là?

Không bao giờ có thể chắc chắn rằng chương trình không có lỗi; không xác định điểm dừng cho việc thử nghiệm, không dễ dàng trả lời cho việc nhiệm vụ test nào luôn được yêu cầu vì mọi nhiệm vụ đều cần thời gian => Đáp án D

1. Đặc điểm của phần mềm kém là?

Only product risks => Đáp án B

1. System testing nên điều tra (investigate):

Non-functional requirements và functional requirements => Đáp án C

1. Contract and regulation testing là một phần của:

Acceptance testing => Đáp án B

1. Quy trình 1 phase của một formal review:

Planning, Review meeting, Rework, Follow up => Đáp án C

1. Cái nào không phải là test objectives?

Debugging defects => Đáp án D

1. Cái nào nhiệm vụ KEY của tester?

Review lại những test được phát triển bởi những người khác => Đáp án A

1. Cái nào không phải là project risks?

Project risks: project issues, organizational issues, political issues, technical issues, supplier issues => Đáp án D (Error-prone software delivered)

1. Cái nào là nguy cơ tiềm ẩn khi sử dụng test support tools?

Potential risks:

Kì vọng với công cụ có thể không thực tế (expectations for the tool may be inrealistic)

Thời gian, chi phí và nỗ lực cho việc giới thiệu ban đầu có thể thấp hơn dự tính (the time, cost and effort for the initial introduction of a tool may be under-estimated)

Thời gian và nỗ lực cần thiết để đạt được lợi ích đáng kể và liên tục từ công cụ có thể thấp hơn dự tính

…. => Đáp án A

1. Có bao nhiêu test case phủ được 100%?

Có 2 câu lệnh If, sẽ có 2+1 statement coverage => Đáp án D (3)

1. X là dữ liệu độ tuổi, từ 1 đến 99. Sử dụng BVA phù hợp:

BVA: boundary value analysis, giá trị biên, nên các giá trị phù hợp: 0 1 99 100 => Đáp án C

1. Cái nào không phải là nguyên tắc testing?

Exhaustive testing => Đáp án D

1. Cái gì sẽ gồm bộ input values, execution preconditions and expected result?

Test case: A set of preconditions, inputs, actions, expected results and postconditions, developed based on test conditions. => Đáp án C (test case)

1. Loại testing nào sẽ được sử dụng bởi những người đứngtại vị trí của khách hàng?

Field testing hay còn gọi là beta testing => Đáp án B

1. Standards nào cho software product quality?

ISO 9126 => Đáp án A

1. Cái nào không thuộc kỹ thuật kiểm thử hộp đen?

Decision testing (kiểm thử hộp trắng) => Đáp án D

1. Tìm lỗi match:

Test data preparation tools – Manipulate data bases

Test design tools – generate test inputs

Requirement management tools – enables individual tests to be traceable

* Đáp án D

1. Activity chính nào là một phần của quá trình test cơ bản (fundamental test process)?

Planning and control => Đáp án D

1. Mục đích của kỹ thuật test design?

Identifying test conditions and Identifying test cases => Đáp án C

1. Một người chủ trì cuộc họp cải tiến quy trình phần mềm. Thông hoạt viên nên sử dụng kỹ thuật nào để thu hút các thành viên khác tham gia thảo luận?

Chờ người đó tạm dừng, ghi nhận ý kiến và hỏi ý kiến người khác (Wait for the person to pause, acknowledge the person’s opinion, and ask for someone else’s a opinion) => Đáp án B

1. Kiểm tra ngẫu nhiên sử dụng thông tin thống kê hoặc hồ sơ hoạt động sử dụng phương pháp sau:

Model based testing approach => Đáp án C

1. Model software nào không thể được sử dụng trong functional testing?

Menu structure model => Đáp án C

(Có thể sử dụng: Process flow model, state transaction model, plain language specification model)

1. Arc testing được biết như là?

Branch testing => Đáp án A

1. Mục đích của exit criteria?

Define when to stop testing; End of test level; When a set of tests has achieved a specific pre condition => Đán án D (Cả 3)

1. Yếu tố nào góp phần làm con người mắc lỗi dẫn đến gây ra lỗi trong phần mềm?

Setting aggressive schedule, Integrating complex systems, Failing to control changes => Đáp án C

Đặt lịch trình *tích cực*, tích hợp các hệ thống phức tạp, không kiểm soát được các thay đổi.

1. Sections nào là một phần của test summary report? (Tham khảo câu 4)

Variances, Comprehensive assessment, evaluation, summary of activities (Phương sai, đánh giá toàn diện, đánh giá, tóm tắt các hoạt động => Đáp án D

1. Mục đích của infomal review?

Là một cách không tốn kém để thu được nhiều lợi ích => Đáp án A

1. Cái nào không phải là Component testing?

Check the decision tables (kỹ thuật hộp đen) => Đáp án D

1. Loại test nào được sử dụng ở all test level?

Structural testing => Đáp án C

1. Cái nào không phải là quy trình test cơ bản?

* Đáp án D

1. Cái gì… và… được sử dụng trong khi làm việc riêng lẻ để tạo ra những sp đầu ra chính xác

Procedures and standards => Đáp án B

1. Những khía cạnh nào của thử nghiệm sẽ giúp ích cho việc thiết lập khả năng xác định nguồn gốc?

Impact analysis and requirements coverage => Đáp án D

1. Nguyên tác của Cyclomatic complexity: L: Links, N: Nodes, P: Independent paths:

L-N+2P => Đáp án A

1. FPA (functions points analysis) được sử dụng cho

To measure the size of the functionality of an Information system (đo lường kích thước các chức năng của một hệ thống thông tin) => Đáp án B

1. A … là phương pháp stepbystep để đảm bảo các tiêu chuẩn được đáp ứng

Procedure => Đáp án D

1. Cái gì không phải là test Oracle?

The code => Đáp án B

1. PDCA được biết như

Plan, do, check, action => Đáp án A

1. Cái nào là non-functional testing?

Performance testing => Đáp án A

1. Cái nào là nhiệm vụ chính của test planning?

Determining the exit criteria => Đáp án A

1. Test nơi mà chúng tôi đặt ra mục tiêu, với các khối lượng công việc khác nhau để đo lường và đánh giá các hành vi, hiệu suất cũng như khả năng của mục tiêu và của bài kiểm tra để tiếp tục hoạt động bình thường với các khối lượng công việc khác nhau này

Load testing => Đáp án A

1. Cái nào dưới đây là task của tester?

Review and contribute to test plans

Analyze, review, and assess requirements, user stories and acceptance criteria, specifications, and models for testability

Identify and document test conditions, and capture traceability between test cases, test conditions, and the test basis

Design and implement test cases and test procedures

Prepare and acquire test data

Create the detailed test execution schedule

Execute tests, evaluate the results, and document deviations from expected results

Use appropriate tools to facilitate the test process

Automate test as needed

Evaluate non-functional characteristics such as performance efficiency, reliability, usability, security, compatibility and portability => Đáp án B (Prepare and acquire test data, implement tests on all test levels. Execute and log the tests, create the test specificatiosn).

1. Static analysis có thể không tìm được cái gì?

Memory leaks => Đáp án C

(Static analysis có thể tìm thấy: Unreachable dead code, Array bound violations, The use of a variable before it has been defined)

1. White box technique được gọi là

Structural Testing => Đáp án A

1. Reviewing the test basis là một phần của phase:

Test analysis and Design => Đáp án A

1. Component Testing được gọi là

Unit testing, Program testing, Module testing => Đáp án A

1. Dựa vào chuẩn IEEE, sections nào của test incident report nên được record với mỗi item?

Test incident report identifier – Unique identifier

Summary – References to order relevant documents

Incident Description – Procedure step, Environment, Anomalies

Impact – Impact on test plans

* Đáp án C

1. Điều nào sau đây là chính xác về Formal Review or Inspection

Led by trained Moderator (not the author), Pre-meeting preparations, Formal Follow up process, Main Objective is to find defects => Đáp án B

1. Phase của quá trình formal review theo thứ tự nào?

Planning, Kick off, Individual Preparations, Review Meeting, Rework, Follow up

Planning, Review meeting, Rework, Follow up

* Đáp án C

1. Các hoạt động testing được thực hiện để kiểm tra lỗi trong các giao diện và giữa các thành phần tích hợp?

Integrations Level testing => Đáp án B

100. Methodologies adopter trong khi thực hiện maintenace testing?

Breadth test and Depth test => Đáp án A

101. Các giá trị Equivalance trong cùng 1 class?

22, 23, 24 => Đáp án C

102. Thế nào là 1 equivalence partition?

An input or output range of values such that only one value in the range becomes a test case => Đáp án B

103. Cái nào KHÔNG phải là một phần của Test implementation and Excution Phase?

Designing the tests => Đáp án D

104. Link testing được gọi là:

Component Integration testing => Đáp án A

105. Những ai liên quan đến Formal Review

Manager, Moderator, Scribe/Recorder => Đáp án B

106. Điều nào dưới đây là chưa chính xác về static testing?

Static testing requires the running of tests throught the code => Đáp án A

107. Thiết kế môi trường và xác nhận cơ sở hạ tầng và tools là một phần của phase:

Test Analysis and Design => Đáp án B

108. Loại test functional mà các functions liên quan đến việc phát hiện các threats, như virus...

Security testing => Đáp án A

109. Người list ra các issues, problems, open points được nhận dạng trong formal review là:

Scribe => Đáp án B

110. The Test cases Derived từ use cases là?

Are most useful in uncovering defects in the process flows during real world use of the system => Đáp án A

111. Một trong các trường trong form chứa các text box cho phéo nhận các giá trị alpha numeric, trường valid:

Boo01k => Đáp án C

112. Những lợi ích tiềm ẩn của việc sử dụng test support tools?

Reducing repetitive work and gaining easy access to test information (giảm công việc lặp đi lặp lại và dễ dàng truy cập thông tin kiểm tra) => Đáp án B

113. Câu nào đúng khi mô tả những phase của formal review?

Personal selection occurs during planning phase, fixing defects found happens during rework phase => Đáp án D

114. A project risk bao gồm cái gì dưới đây?

Organizational Factors => Đáp án A

(Project issues, organizational issue, political issue, technical issue, supplier issue)

115. Đặc điểm KEY của Walk Through?

Scenario, Dry Run, Peer Group => Đáp án A

116. Kỹ thuật nào không phải là White box technique?

Boundary value analysis => Đáp án D

117. Reporting Discrepancies như incidents là một phần của phase:

Test implementation and execution => Đáp án B

118. Trong risk-based approach, risks được xác định có thể được sử dụng để:

Determine the test technique to be employed

Determine the particular levels and types of testing to be performed

Determine the extent of testing to be carried out

Prioritize testing in an attempt to find the critical defects as early as possible

Determine whether any activities in addition to testing could be employed to reduce risk

* Đáp án B

119. Incidents không thể được nêu ra

Improvements suggested by users => Đáp án D (Nêu ra các cải tiến bởi người dung)

120. Phase planning trong formal review chứa:

Selecting the personnel, allocating roles => Đáp án B

121. Test implementation and execution có những major task nào sau đây?

Developing and prioritizing test cases, creating test data, writing test procedures and optionally preparing the test harnesses and writing automated test scripts

Creating the test suite from the test cases for efficient test execution

Verifying that the test environment has been set up correctly

* Đáp án A

122. Fields của text box chấp nhận giá trị từ 18-25, giá trị invalid equivalance class?

17 => Đáp án A

123. Exhaustive testing là:

Is impractical and impossible => Đáp án C (không thực tế và không khả thi)

124. Tool nào cần giao diện với phần mềm tự động hóa office khác để tạo báo cáo ở định dạng theo yêu cầu của tổ chức?

Test management tools => Đáp án B

125. Cái nào không phải là tiêu chuẩn quốc tế?

IEC, ~~IEEE~~, ISO => Đáp án B (IEEE)

126. Static test được sử dụng trong phase nào?

Requirements, Design, Coding => Đáp án D (all of the above)

127. Nhược điểm của Black box testing?

Chances of having repetition of tests that are already done by programmer

The test inputs needs to be from large sample space

It is difficult to identify all possible inputs in limited testing time. So writing test cases is slow and difficult => Đáp án A (all above)

128. Quá trình phân tích và loại bỏ nguyên nhân gây ra lỗi trong phần mềm là:

Debugging => Đáp án C

129. Phần lớn các lỗi hệ thống xảy ra trong giai đoạn:

Requirements phase => Đáp án A

130. Nhiệm vụ chính khi đánh giá exit criteria?

Writing a test summary report for stakeholders (viết test summary report gửi cho các bên liên quan) => Đáp án B

131. Trong vòng đời, tốn bao nhiêu cost của software cho maintenance?

70% => Đáp án C (more than 65%)

132. Khi lỗi được phát hiện và sửa, sau đó phần mềm được retest để xác định rằng những lỗi đó được sửa thành công

Confirmation testing => Đáp án C

133. Mục tiêu đúng của incident report?

Provides test management ideas for test process improvement (Cung cấp cho test management ý kiến để cải thiện quy trình test) => Đáp án B

134. Lúc nào thì ngừng test?

Stop when schedules time for testing expires => Đáp án A

135. Yếu tố nào sau đây là yếu tố thành công cho reviews?

Clear objectives for each review

Checklist and/or roles are used to increase effectiveness of defect identification

There is an emphasis on progress improvement

* Đáp án C

136. Structure không xác định cho loại dự án phát triển?

Purchased/Contracted Software (Phần mềm đã mua/Hợp đồng) => Đáp án D

137. … Cho biết tầm quan trọng của việc sửa lỗi và khi nào nên sửa lỗi

Severity and Priority => Đáp án C (Mức độ nghiêm trọng và mức độ ưu tiên)

138. Người hướng dẫn review các tài liệu, lên kế hoạch xem xét điều hành cuộc và và theo dõi sau cuộc họp

Moderator => Đáp án C

139. Thực hiện kiểm tra đầy đủ để đánh giá mọi đường dẫn và điều kiện có thể có trong hệ thống ứng dụng. Phương pháp kiểm tra duy nhất đảm bảo hoạt động bình thường của hệ thống ứng dụng được gọi là:

Basic Path testing => Đáp án C

140. Câu nào chứa các mục tiêu có giá trị cao cho test team?

Cause as many failures as possible so that faults can be identified and corrected => Đáp án D (Gây ra càng nhiều lỗi nhất có thể để có thể nhận dạng và sửa lỗi).

141.

142. Major test implementation and execution tasks?

Repeating test activities, Creating test suites, Reporting discrepancies, Logging the outcome => Đáp án C

143. Những tasks nào được thực hiện bởi test leader và tester?

Test leader: Writing a project test strategy; Selecting tools to support testing; Scheduling tests

Tester: Preparing and acquiring data => Đáp án B

144. Tools sử dụng cho Regression Testing?

Record/Playback => Đáp án B

145. System Integration Testing should be done after?

Unit testing => Đáp án C (Đáp án không chính xác, là System testing)

146. Trong sự kiện này, toàn bộ hệ thống được kiểm tra để xác minh rằng tất cả các yêu cầu về cấu trúc và chất lượng của thông tin chức năng đã được đáp ứng. Một tổ hợp các thử nghiệm xác định trước được thiết kế sao cho khi thực thi thành công, đáp ứng quản lý rằng hệ thống đáp ứng các thông số kỹ thuật?

User Acceptance testing => Đáp án C

147. Thứ tự bình thường của các hoạt động được tổ chức trong software testing?

Unit, Integration, System, Validation => Đáp án A

148. Trong quá trình test, 1 lỗi được tìm thấy trong hệ thống gặp sự cố khi mạng mất kết nối trong khi đang nhận dữ liệu từ server. Lỗi được khắc phục bằng các sửa các chức năng kiểm tra có tín khả dụng của mạng trong quá trình truyền dữ liệu. Các trường hợp kiểm thử hiện tại đã bao gồm 100% cấc câu lệnh modun. Một số thử nghiệm đã thiết kế và thêm vào bộ thử nghiệm. Những loại test nào được đề cập ở trên?

Functional Testing, Structural Testing, Confirmation Testing => Đáp án D

149. Kịch bản kiểm thử nào sử dụng file dữ liệu nhưng không chỉ test data và expected results mà còn keywords liên quan đến ứng dụng được test?

Keywork-driven testing => Đáp án D

150. Các thuộc tính của tools và tự động là:

Speed and efficiency, Accuracy and precision => Đáp án C

151. Loại testing mà không biết bất cứ thứ gì về phần mềm đang test, chỉ click hoặc gõ random?

Dumb monkey testing => Đáp án D

152. Một loạt các câu hỏi thăm dò về tính hoàn chỉnh và thuộc tính của một hệ thống ứng dụng được gọi là:

Checklist => Đáp án A

153. Kỹ thuật test mà yêu cầu tạo ra các trường hợp kiểm thử để chứng minh rằng mỗi chức năng chương trình đang hoạt động được gọi là:

Grey-box testing => Đáp án C

154. Kỹ thuật kiểm thử hộp trắng đo lường số lượng hoặc phần trăm thực thi bởi các test case được tạo thì được gọi là:

Decision/Condition Testing => Đáp án B

155. Mô tả nào các hoạt động thử nghiệm liên kết với 1 hoặc nhiều thông số kỹ thuật thiết kế thử nghiệm?

Test Incident Report => Đáp án C

156. Loại test nào điều tra cả chức năng và phi chức năng

System testing => Đáp án B

157. Thử nghiệm nào đảm bảo các sửa đổi không tạo ra các vấn đề mới

Regression Testing => Đáp án D

158. Lợi ích tiềm năng của việc thêm tool vào quy trình test?

Reduction of repetitive testing procedures; Ability to get an objectives assessment of progress; Greater consistency in testing procedures (Giảm các thủ tục lặp đi lặp lại, Khả năng nhận được đánh giá khách quan về sự tiến bộ, Nhất quán trong các thủ tục thử nghiệm) => Đáp án B

159. Loại test nào để xác minh rằng hệ thống có thể hoạt động bình thường khi giới hạn các chương trình nội bộ hoặc hệ thống bị vượt quá

Stress testing là loại kỹ thuật test có thể hoạt động bình thường khi bị quá tải => Đáp án A

160. Trong model SDLC, đặc điểm của một good testing?

Having a corresponding testing activity for each development activity;

Testers should be involved in reviewing documents as soon as drafts are available

Each test level has test objectives specific to that level.

* Đáp án A

161. Tỷ lệ giữa số lần hỏng hóc với số loại và các đơn vị đo?

Failure rate => Đáp án A

162. Các loại defects được phát hiện bởi static analysis bao gồm:

Security vulnerabilities => Đáp án C

163. Tiêu chuẩn EULA:

End User License Agreement => Đáp án B

164. Thử nghiệm nào có thể được tiến hành với phần mềm sắp ra mắt để nhận được phản hồi từ thị trường?

COST testing => Đáp án D

165. CAST stands:

Computer Aided Software Testing => Đáp án A

166. Làm thế nào để các lỗi phần mềm trong các dự án tương lai được ngăn chặn không tái diễn?

Documenting lessons learned and determining the root cause of problem => Đáp án D (Ghi lại các bài học kinh nghiệm và phân tích nguyên nhân gốc rễ của vấn đề)

167. Thử nghiệm có thể không bắt chước các tình huống thực tế?

Structural testing => Đáp án B

168. Test bao gồm cả kiểm thử hộp đen và hộp trắng?

Gray Box testing => Đáp án A

169. Main stages của formal review?

Planning, Kick off, Individual Preparation, Review Meeting, Rework, Follow up

170.